

Số: 953 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn năm 2014

theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI	
ĐẾN	Số: 1620 theo
	Ngày: 09/7/2014
	Chuyên:
	Lưu hồ sơ số:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015;

Căn cứ Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-UBND-BTC ngày 08/01/2010 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban Dân tộc về công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng khó dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 11/12/2013 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 07/02/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chuẩn y kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2013 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 220/TTr-BDT ngày 02/7/2014 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện chính

sách theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn năm 2014 theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi chung là chính sách) cụ thể như sau:

1. Đối tượng thụ hưởng

Là người dân thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo được quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ, phải được đăng ký hộ khẩu và cư trú hợp pháp ở vùng khó khăn của tỉnh theo Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Định mức hỗ trợ

a) Đối với người dân thuộc hộ nghèo ở xã, thị trấn khu vực II, xã bãi ngang, hải đảo vùng khó khăn là 80.000 đồng/người/năm.

b) Đối với người dân thuộc hộ nghèo ở xã khu vực III vùng khó khăn là 100.000 đồng/người/năm.

(Kèm theo biểu danh sách xã, thị trấn phân theo khu vực II, khu vực III, bãi ngang ven biển, hải đảo).

3. Phương thức và hình thức hỗ trợ

a) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp.

b) Hình thức hỗ trợ:

- Đối với các huyện miền núi: Hỗ trợ trực tiếp bằng muối iốt, giống cây trồng, giống vật nuôi, thuốc thú y, tiền mặt theo quy định cụ thể sau:

Cấp phát trực tiếp muối iốt cho 100% người dân thụ hưởng chính sách (tối thiểu 05kg/người/năm). Phần kinh phí còn lại trong định mức, UBND các huyện, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và theo nhu cầu của người dân để quyết định lựa chọn hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt hoặc hiện vật. Riêng hộ neo đơn, không nơi nương tựa, không còn khả năng lao động thì cấp 100% số tiền còn lại sau khi đã trừ tiền mua muối iốt.

- Đối với các huyện: Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Bình Sơn, Lý Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ và Thành phố Quảng Ngãi hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt và tuyên truyền, hướng dẫn để người dân chủ động mua giống cây trồng, giống vật nuôi, thuốc thú y phục vụ sản xuất và đời sống phù hợp với thực tế của từng hộ.

4. Kinh phí thực hiện

Được bố trí tại Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 11/12/2013 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2014.

5. Tổ chức thực hiện

a) Trách nhiệm của Ban Dân tộc:

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện chính sách của các địa phương.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả thực hiện chính sách theo định kỳ hoặc đột xuất cho UBND tỉnh, Ủy ban Dân tộc.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện những vấn đề liên quan để việc thực hiện chính sách có hiệu quả.

b) Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chỉ đạo các đơn vị chức năng trực thuộc phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương có người dân thụ hưởng chính sách kiểm tra việc cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi, thuốc thú y; hướng dẫn kỹ thuật cho người dân sản xuất, nuôi trồng có hiệu quả.

c) Trách nhiệm của Sở Tài chính:

- Hướng dẫn các địa phương có đối tượng thụ hưởng việc quản lý, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chính sách theo đúng quy định của Nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện Chính sách của các địa phương có đối tượng thụ hưởng; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, các Bộ, ngành liên quan.

d) Trách nhiệm của Sở Y tế:

Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc cung ứng muối iốt theo đúng quy định tại Nghị định số 163/2005/NĐ-CP ngày 29/12/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng muối iốt cho người ăn.

e) Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố có đối tượng thụ hưởng chính sách:

- Phê duyệt danh sách người dân thụ hưởng chính sách do UBND xã lập để làm cơ sở phê duyệt phương án tổ chức thực hiện Chính sách.

- Phê duyệt phương án tổ chức thực hiện Chính sách trên địa bàn huyện, thành phố năm 2014, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc và Sở Tài chính) chậm nhất 15 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án để theo dõi, kiểm tra.

- Chỉ đạo Phòng Dân tộc hoặc Văn phòng HĐND và UBND huyện, thành phố làm cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với các phòng, ban liên quan tham mưu giúp UBND cấp huyện tổ chức thực hiện Chính sách trên địa bàn quản lý với các nội dung:

+ Xây dựng Phương án tổ chức thực hiện Chính sách năm 2014 trên địa bàn, trình UBND huyện, thành phố phê duyệt, với các nội dung chủ yếu: Hình thức hỗ trợ; tổng kinh phí thực hiện; tiến độ, các giải pháp tổ chức thực hiện; nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan liên quan (*Phương án phải thể hiện rõ chủng loại, số lượng, đơn giá và kinh phí từng loại hiện vật nếu hỗ trợ bằng hiện vật. Hồ sơ kèm theo để phê duyệt Phương án bao gồm: Danh sách số người trong hộ nghèo được thụ hưởng Chính sách do UBND xã tổng hợp và xác nhận; biên bản họp xét lấy ý kiến về hình thức hỗ trợ của ít nhất 2/3 số hộ được thụ hưởng Chính sách tham dự; báo cáo của UBND các xã tổng hợp nhu cầu của người dân thụ hưởng Chính sách*).

+ Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chính sách cho UBND huyện, thành phố và Ban Dân tộc theo định kỳ và đột xuất.

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với UBND xã có đối tượng thụ hưởng Chính sách thực hiện các nội dung:

+ Triển khai họp dân để chọn lựa cây giống, con giống, thuốc thú y hoặc tiền mặt phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nhu cầu của người dân.

+ Phổ biến nội dung chính sách; tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng khoản tiền hoặc hiện vật được hỗ trợ vào sản xuất và đời sống có hiệu quả.

+ Lập danh sách và tổng hợp, báo cáo nhu cầu về hình thức hỗ trợ của người dân thụ hưởng Chính sách để làm cơ sở phê duyệt phương án tổ chức thực hiện Chính sách.

+ Giám sát việc thực hiện cấp tiền hoặc hiện vật của đơn vị được giao. Niêm yết công khai danh sách tại nơi cấp phát nhằm đảm bảo quyền lợi và phát huy quyền dân chủ của nhân dân trong công tác tự kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chính sách.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện cấp phát, giao nhận đúng đối tượng, định mức, biểu mẫu đã hướng dẫn; thực hiện việc thanh, quyết toán kinh phí đúng quy định của Nhà nước; công khai số lượng, chất lượng, định mức, đơn giá hiện vật tại nơi cấp phát.

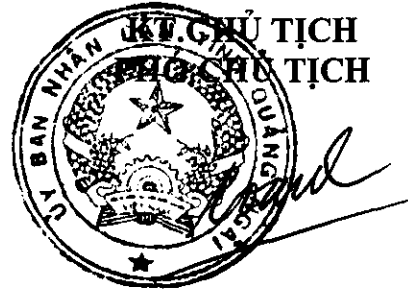
- Tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chính sách theo định kỳ hoặc đột xuất về UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) để theo dõi, chỉ đạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế; Chủ tịch UBND các huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Bình Sơn, Lý Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ và Thành phố Quảng Ngãi; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy Ban Dân tộc (b/cáo);
- Bộ Tài Chính (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban: VHXH, Dân tộc HĐND tỉnh;
- VPUB: PCVP(MN), KTTH, VX, CB;
- Lưu: VT, P.ĐNMN dqv348



Đinh Thị Loan



DANH SÁCH

**XÃ, THỊ TRẤN PHÂN THEO KHU VỰC II, KHU VỰC III, BÃI NGANG VEN BIÊN, HẢI ĐẢO THUỘC DIỆN KHỐ
KHẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐƯỢC THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ
102/2009/QĐ-TTĐ NGÀY 07/8/2009**

(Kèm theo Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Thứ tự	Huyện miền núi	Phân theo khu vực	Thứ tự	Huyện miền núi	Phân theo khu vực	Thứ tự	Huyện đồng bằng có xã miền núi, bãi ngang, hải đảo	Phân theo khu vực
I	BA TƠ		III	TRÀ BÔNG		VII	NGHĨA HÀNH	
01	01 Thị Trấn Ba Tơ	Khu vực II	35	01 Trà Bình	Khu vực II	67	01 Hành Tín Đông	Khu vực II
02	02 Ba Cung	Khu vực II	36	02 Trà Bùi	Khu vực III	68	02 Hành Tín Tây	Khu vực II
03	03 Ba Chùa	Khu vực II	37	03 Trà Giang	Khu vực III	VIII	TƯ NGHĨA	
04	04 Ba Dinh	Khu vực II	38	04 Trà Hiệp	Khu vực III	69	01 Nghĩa Thọ	Khu vực III
05	05 Ba Động	Khu vực II	39	05 Trà Lâm	Khu vực III	IX	BÌNH SƠN	
06	06 Ba Liên	Khu vực II	40	06 Trà Phú	Khu vực III	70	01 Bình An	Khu vực II
07	07 Ba Tô	Khu vực II	41	07 Trà Sơn	Khu vực III	71	02 Bình Hải	Bãi ngang
08	08 Ba Vi	Khu vực II	42	08 Trà Tân	Khu vực III	72	03 Bình Châu	Bãi ngang
09	09 Ba Bích	Khu vực III	43	09 Trà Thủy	Khu vực III	73	04 Bình Trị	Bãi ngang
10	10 Ba Điền	Khu vực III	IV	TÂY TRÀ		74	05 Bình Thạnh	Bãi ngang
11	11 Ba Giang	Khu vực III	44	01 Trà Phong	Khu vực III	75	06 Bình Đông	Bãi ngang
12	12 Ba Khâm	Khu vực III	45	02 Trà Khê	Khu vực III	76	07 Bình Chánh	Bãi ngang
13	13 Ba Lễ	Khu vực III	46	03 Trà Thọ	Khu vực III	X	LÝ SƠN	
14	14 Ba Nam	Khu vực III	47	04 Trà Xinh	Khu vực III	77	01 An Bình	Hải đảo
15	15 Ba Ngạc	Khu vực III	48	05 Trà Quân	Khu vực III	78	02 An Vĩnh	Hải đảo
16	16 Ba Tiêu	Khu vực III	49	06 Trà Trung	Khu vực III	79	03 An Hải	Hải đảo
17	17 Ba Thành	Khu vực III	50	07 Trà Nham	Khu vực III	XI	SƠN TĨNH	
18	18 Ba Trang	Khu vực III	51	08 Trà Lãnh	Khu vực III	80	01 Tĩnh Đông	Khu vực II
19	19 Ba Vinh	Khu vực III	52	09 Trà Thanh	Khu vực III	81	02 Tĩnh Giang	Khu vực II
20	20 Ba Xa	Khu vực III	V	SƠN TÂY		82	03 Tĩnh Hiệp	Khu vực II
II	SON HÀ		53	01 Sơn Dung	Khu vực III	XII	MỘ ĐỨC	
21	01 TT Di Lăng	Khu vực II	54	02 Sơn Long	Khu vực III	83	01 Đức Minh	Bãi ngang
22	02 Sơn Hạ	Khu vực II	55	03 Sơn Tinh	Khu vực III	84	02 Đức Lợi	Bãi ngang
23	03 Sơn Thành	Khu vực II	56	04 Sơn Mùa	Khu vực III	85	03 Đức Thắng	Bãi ngang
24	04 Sơn Trung	Khu vực III	57	05 Sơn Liên	Khu vực III	86	04 Đức Chánh	Bãi ngang
25	05 Sơn Bao	Khu vực III	58	06 Sơn Tân	Khu vực III	87	05 Đức Phong	Bãi ngang
26	06 Sơn Thượng	Khu vực III	59	07 Sơn Màu	Khu vực III	XIII	ĐỨC PHỐ	
27	07 Sơn Nham	Khu vực III	60	08 Sơn Lập	Khu vực III	88	01 Phố Nhơn	Khu vực II
28	08 Sơn Giang	Khu vực III	61	09 Sơn Bua	Khu vực III	89	02 Phố Phong	Khu vực II
29	09 Sơn Linh	Khu vực III	VI	MINH LONG		90	03 Phố An	Bãi ngang
30	10 Sơn Cao	Khu vực III	62	01 Long Hiệp	Khu vực II	91	04 Phố Châu	Bãi ngang
31	11 Sơn Thủy	Khu vực III	63	02 Long Mai	Khu vực III	92	05 Phố Vinh	Bãi ngang
32	12 Sơn Kỳ	Khu vực III	64	03 Thanh An	Khu vực III	93	06 Phố Quang	Bãi ngang
33	13 Sơn Ba	Khu vực III	65	04 Long Môn	Khu vực III	94	07 Phố Thạnh	Bãi ngang
34	14 Sơn Hải	Khu vực III	66	05 Long Sơn	Khu vực III	XIV	T. PHỐ QUẢNG NGÃI	
						95	01 Tĩnh Kỳ	Bãi ngang
						96	02 Tĩnh Hòa	Bãi ngang

